International Labour Organization

▶ILC.110/Nghị quyết II

▶Nội dung đã được thông qua

Hội Thảo Lao Động Quốc Tế – Phiên họp thứ 110 năm 2022

Nghị quyết liên quan đến việc làm thỏa đáng và nền kinh tế xã hội và đoàn kết

(10/06/2022)

Hội nghị Lao động Quốc tế lần thứ 110 năm 2022,

Sau khi tiến hành thảo luận chung về việc làm thỏa đáng và nền kinh tế xã hội và đoàn kết, trên cơ sở Báo cáo thứ VI về việc làm thỏa đáng và nền kinh tế xã hội và đoàn kết,

1. Thông qua các kết luận sau đây;

2. Mời Hội đồng quản trị của Văn phòng Lao động Quốc tế xem xét một cách thỏa đáng các kết luận, đồng thời hướng dẫn Văn phòng Lao động Quốc tế thi hành các kết luận đó; và

3. Đề nghị Tổng Giám đốc:

(a) xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động cho chương trình việc làm thỏa đáng và nền kinh tế xã hội và đoàn kết nhằm thực hiện các kết luận, để Cơ quan chủ quản xem xét tại Phiên họp thứ 346 (tháng 11/2022);

(b) truyền đạt các kết luận tới các tổ chức quốc tế và tổ chức khu vực có liên quan; và

(c) xem xét các kết luận khi tiến hành lập các đề xuất chương trình và ngân sách trong tương lai, cũng như khi huy động các nguồn lực ngoài ngân sách.

Kết luận liên quan đến việc làm thỏa đáng và nền kinh tế xã hội và đoàn kết

I. Giới thiệu

1. Dựa trên Tuyên bố Philadelphia trong Hiến chương của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), theo đó khẳng định rằng "tất cả mọi người sinh ra, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng hay giới tính, đều có quyền mưu cầu đời sống vật chất đầy đủ và sự phát triển tinh thần trong điều kiện tự do và nhân phẩm, ổn định kinh tế và cơ hội bình đẳng"; và rằng "việc đạt được những điều kiện để thực hiện những nội dung trên cần trở thành một phần trong mục tiêu trọng tâm của các chính sách quốc gia và quốc tế".

2. Khẳng định sứ mệnh của ILO đối với công bằng xã hội và việc làm thỏa đáng, cũng như đối với mục tiêu của Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững là bảo đảm cân bằng các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường của thế giới việc làm, góp phần xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho con người, cho thế giới, mang lại sự thịnh vượng, hòa bình, hợp tác và đoàn kết, đồng thời hướng tới mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn diện và bền vững, tạo việc làm thỏa đáng cho tất cả mọi người và giảm bất bình đẳng.

3. Xét rằng Tuyên bố của ILO năm 2008 về Công bằng Xã hội vì một Quá trình Toàn cầu hóa Công bằng (sửa đổi năm 2022), Tuyên bố thế kỷ của ILO vì Tương lai Việc làm năm 2019, và Lời kêu gọi hành động toàn cầu của ILO nhằm tạo dựng công cuộc phục hồi mang tính bao trùm, bền vững, có khả năng chống chịu và lấy con người làm trung tâm sau cuộc khủng hoảng COVID-19 năm 2021, đã công nhận rằng nền kinh tế xã hội và đoàn kết (NKTXH&ĐK) chính là một phương tiện phù hợp để đạt được phát triển bền vững, công bằng xã hội, việc làm thỏa đáng và cải thiện mức sống cho tất cả mọi người.

4. Nhận thấy sự phù hợp của NKTXH&ĐK với sứ mệnh của ILO kể từ khi được thành lập, ILO đã đi đầu trong việc thúc đẩy NKTXH&ĐK trong toàn bộ hệ thống của Liên hợp quốc (LHQ), bao gồm thông qua các hành động liên quan đến các tiêu chuẩn. Dù bản thân NKTXH&ĐK không hề mới, nhưng tầm quan trọng và tầm nhìn chính sách của NKTXH&ĐK đã tăng lên đáng kể từ đầu thế kỷ 21. Khuyến nghị về thúc đẩy các hợp tác xã của ILO năm 2002 (Số 193), Khuyến nghị về việc chuyển đổi từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức của ILO năm 2015 (Số 204) và Khuyến nghị về việc làm thỏa đáng vì hòa bình và khả năng chống chịu của ILO năm 2017 (Số 205) đã ghi nhận những đóng góp của NKTXH&ĐK trong việc xóa đói giảm nghèo và hòa nhập xã hội, trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức, cũng như trong việc tạo điều kiện phục hồi và tăng cường khả năng chống chịu.

II. Định nghĩa của NKTXH&ĐK

5. NKTXH&ĐK bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức và các chủ thể khác đang tham gia vào các hoạt động kinh tế, xã hội và môi trường, nhằm mục đích phục vụ lợi ích chung và/hoặc lợi ích của cộng đồng, dựa trên nguyên tắc hợp tác tự nguyện và tương trợ lẫn nhau, quản trị dân chủ và/hoặc quản trị có sự tham gia, tự chủ và độc lập, đồng thời đặt các quyền lợi của người dân và xã hội lên trên lợi ích kinh tế trong việc phân phối và sử dụng thặng dư và/hoặc lợi nhuận cũng như tài sản. Các chủ thể trong NKTXH&ĐK mong muốn được hoạt động lâu dài và bền

vững, cũng như được chuyển đổi từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức và hoạt động trong tất cả các lĩnh vực kinh tế. Các chủ thể này áp dụng một bộ giá trị có vai trò quan trọng đối với chức năng của họ và phù hợp với sự quan tâm của họ đến con người và hành tinh, sự bình đẳng và công bằng, sự phụ thuộc lẫn nhau, tính tự chủ, tính minh bạch và trách nhiệm, cũng như việc đạt được các mục tiêu về sinh kế và việc làm thỏa đáng. Tùy theo hoàn cảnh của mỗi quốc gia, NKTXH&ĐK bao gồm các hợp tác xã, hiệp hội, xã hội tương hỗ, quỹ tài trợ, doanh nghiệp xã hội, các nhóm tự giúp đỡ và các chủ thể khác hoạt động theo những giá trị và nguyên tắc của NKTXH&ĐK.

III. Các nguyên tắc hướng dẫn nhằm giải quyết những thách thức và cơ hội

6. Để theo đuổi các cơ hội thúc đẩy việc làm thỏa đáng và NKTXH&ĐK vì một tương lai việc làm lấy con người làm trung tâm, các Thành viên, có tính đến hoàn cảnh quốc gia, nên:

(a) xem xét sự đóng góp của NKTXH&ĐK đối với việc làm thỏa đáng, các nền kinh tế phát triển bền vững và toàn diện, công bằng xã hội, phát triển bền vững và cải thiện mức sống cho tất cả mọi người;

(b) công nhận vai trò mà các chủ thể trong NKTXH&ĐK có thể thực hiện, với tư cách là một trong những bên tham gia, nhằm góp phần tạo nên ý nghĩa của việc làm trong một giai đoạn mà mọi người khao khát có được việc làm thỏa đáng, có ý nghĩa đối với con người và hành tinh;

(c) tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện các quyền và các nguyên tắc cơ bản về việc làm, các quyền con người khác và các tiêu chuẩn lao động quốc tế liên quan, bao gồm tất cả các loại chủ thể NKTXH&ĐK;

(d) đánh giá cao việc gắn kết NKTXH&ĐK và sự đóng góp của nó đối với các giải pháp cải tiến và thiết lập tốt tại địa phương, nhằm mang lại các cơ hội việc làm thỏa đáng, đáp ứng nhu cầu của các nhóm yếu thế và những người dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ, bao gồm cả khu vực nông thôn;

(e) xây dựng một cách tiếp cận đáp ứng giới, mang tính bao hàm và toàn diện để thúc đẩy NKTXH&ĐK, trong đó bao gồm việc tôn trọng các nhóm đối tượng đang trong tình trạng dễ bị tổn thương, công nhận giá trị của những công việc chăm sóc không lương;

(f) xem xét mức độ cần thiết của việc dành sự quan tâm đặc biệt đến người lao động và các chủ thể kinh tế thuộc NKTXH&ĐK trong xây dựng, thực hiện và giám sát các chiến lược, các biện pháp để giải quyết những nguyên nhân gốc rễ của sự bất hợp lý, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức, đồng thời đạt được mục tiêu về bảo đảm việc làm thỏa đáng và hệ thống bảo trợ xã hội phổ cập, đầy đủ, toàn diện và bền vững;

(g) xem xét sự đóng góp của các doanh nghiệp bền vững đối với mục tiêu việc làm thỏa đáng, như đã nêu trong Kết luận liên quan đến việc thúc đẩy các doanh nghiệp bền vững, năm 2007;

(h) công nhận và tăng cường quan hệ tương trợ lẫn nhau giữa các chủ thể trong NKTXH&ĐK và các doanh nghiệp khác, nhằm nâng cao thành tích trong tăng trưởng kinh tế bền vững và toàn diện, tạo công ăn việc làm thỏa đáng cho tất cả mọi người;

(i) công nhận và hỗ trợ sự đóng góp của NKTXH&ĐK trong quá trình chuyển đổi kỹ thuật số công bằng;

(j) xem xét vai trò của NKTXH&ĐK trong việc tôn trọng phẩm giá con người, xây dựng cộng đồng và thúc đẩy sự đa dạng, đoàn kết, cũng như tôn trọng kiến thức và văn hóa truyền thống, bao gồm cả quan hệ giữa các dân tộc bản địa và bộ lạc; và

(k) đánh giá tiềm năng của NKTXH&ĐK trong lĩnh vực chống chọi với khủng hoảng và duy trì việc làm, bao gồm cả trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là trong một số trường hợp tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua việc chuyển đổi quyền sở hữu sang hình thức người lao động tự làm chủ.

7. Tuy nhiên, có một số thách thức đòi hỏi các Thành viên phải xem xét:

(a) các chủ thể của NKTXH&ĐK phải đối mặt với những thách thức riêng, bên cạnh những khó khăn chung của nhiều doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, bao gồm môi trường không thuận lợi cho các chủ thể của NKTXH&ĐK, chẳng hạn như thiếu sự tham gia đầy đủ, các chính sách làm trầm trọng thêm tình trạng bất hợp lý, nghèo đói, nợ nần, pháp lý không vững vàng, pháp quyền yếu kém, khả năng tiếp cận tài chính không đầy đủ, cạnh tranh và thông lệ thương mại không lành mạnh, cũng như các thiếu thốn khác về điều kiện để phát triển một môi trường thuận lợi;

(b) tạo điều kiện thuận lợi để cải thiện khả năng tiếp cận của các chủ thể trong NKTXH&ĐK đối với các dịch vụ tài chính, bao gồm thông qua các biện pháp và công cụ tài chính đa dạng và cụ thể nếu phù hợp;

(c) thúc đẩy sự đóng góp của các chủ thể trong NKTXH&ĐK và các doanh nghiệp bền vững vào quá trình chuyển đổi thích đáng, hướng tới các nền kinh tế xã hội bền vững về môi trường cho tất cả mọi người, đẩy mạnh tiêu dùng và các mô hình sản xuất bền vững có tính đến các thách thức, đặc biệt là biến đổi khí hậu;

(d) công nhận và hỗ trợ vai trò của NKTXH&ĐK trong việc nâng cao hiệu suất làm việc bằng cách cho phép các chủ thể NKTXH&ĐK áp dụng mô hình tổ chức doanh nghiệp theo chiều ngang, chiều dọc và xuyên suốt, tận dụng quan hệ tương trợ lẫn nhau và sức mạnh tổng thể với các doanh nghiệp khác, phù hợp với Khuyến nghị (số 189) về điều kiện chung để đẩy mạnh Tạo Việc làm trong các Doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 1998, đầu tư vào phát triển năng lực và học tập trọn đời, cũng như về công nghệ và cơ sở hạ tầng;

(e) đảm bảo rằng các chủ thể và người lao động trong NKTXH&ĐK được hưởng lợi từ quyền được tự do hội họp và được công nhận quyền thương lượng tập thể, nhằm tạo điều kiện để thực hiện đối thoại xã hội thông qua các tổ chức đại diện cho người sử dụng lao động và người lao động có chức năng xây dựng những biện pháp có ảnh hưởng trực tiếp tới các chủ thể liên quan và người lao động của NKTXH&ĐK, cũng như với các tổ chức đại diện cho các chủ thể của NKTXH&ĐK có liên quan (nếu có);

(f) sự cần thiết của việc phát triển tiềm lực của NKTXH&ĐK nhằm xây đẩy mạnh hòa nhập xã hội, đặc biệt là đối với phụ nữ, thanh niên, và các nhóm yếu thế, chẳng hạn như người thất nghiệp, người khuyết tật, lao động nhập cư, người dân bản xứ; và

(g) tầm quan trọng của việc chống lại các chủ thể giả mạo NKTXH&ĐK và việc các chủ thể này lách luật lao động và các luật khác nhằm xâm phạm quyền của người lao động, cũng như nguy cơ gây ra cạnh tranh không lành mạnh với các doanh nghiệp tuân thủ và kinh doanh có trách nhiệm, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa theo Khuyến nghị số 193.

IV. Vai trò của các chính phủ và các đối tác xã hội

8. Các thành viên có nghĩa vụ tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện các quyền và nguyên tắc cơ bản về việc làm, các quyền con người khác và các tiêu chuẩn lao động quốc tế liên quan, bao gồm tất cả các loại chủ thể trong NKTXH&ĐK.

9. Với sự hỗ trợ của Văn phòng Lao động Quốc tế, các Thành viên nên:

(a) xây dựng một môi trường thuận lợi phù hợp với tính chất và sự đa dạng của NKTXH&Đ để thúc đẩy việc làm thỏa đáng và khai thác tối đa tiềm năng của các chủ thể trong NKTXH&ĐK, nhằm đóng góp cho mục tiêu phát triển bền vững và các doanh nghiệp bền vững, phù hợp với tiêu chuẩn lao động quốc tế;

(b) đảm bảo một sân chơi bình đẳng bằng cách đối xử với các chủ thể của NKTXH&ĐK theo luật pháp và thông lệ quốc gia, cũng như phù hợp với các điều khoản thuận lợi tương tự như các điều khoản dành cho các hình thức doanh nghiệp khác, phù hợp với Khuyến nghị số 193 của ILO;

(c) ban hành các chính sách khuyến khích tạo công ăn việc làm có chất lượng cho tất cả các chủ thể, bao gồm các chủ thể thuộc NKTXH&ĐK, nhằm thúc đẩy phục hồi kinh tế mạnh mẽ, bao trùm, bền vững và có khả năng chống chịu, phù hợp với quyền và các nguyên tắc cơ bản tại nơi làm việc, các quyền con người khác cũng như các tiêu chuẩn lao động quốc tế liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn những quy định được liệt kê trong Phụ lục;

(d) lồng ghép NKTXH&ĐK vào các chiến lược phát triển, phục hồi và việc làm quốc gia để hỗ trợ các chính sách kinh tế vĩ mô, thuế, công nghiệp, xã hội, môi trường và các chính sách khác có lợi cho việc làm, nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi kỹ thuật số và môi trường công bằng, cũng như giảm thiểu bất bình đẳng;

(e) công nhận vai trò của NKTXH&ĐK trong việc chuyển đổi từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức, đồng thời hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế chính thức cho tất cả người lao động và các chủ thể, bao gồm cả những chủ thể thuộc NKTXH&ĐK;

(f) tăng cường đóng góp của NKTXH&ĐK vào công tác tạo việc làm thỏa đáng trong chuỗi cung ứng trong nước và toàn cầu, thông qua phát triển thương mại công bằng, bình đẳng và bền vững cũng như phát triển các hình thức hợp tác khác giữa các chủ thể thuộc NKTXH&ĐK;

(g) tăng cường sự tương tác và quan hệ giữa các chủ thể thuộc NKTXH&ĐK và cơ quan hành chính công các cấp, bao gồm cấp địa phương và khu vực;

(h) đưa ra các biện pháp hỗ trợ nhằm tạo điều kiện tiếp cận thông tin, tài chính, thị trường, công nghệ, cơ sở hạ tầng cũng như mua sắm công được điều chỉnh tốt và có trách nhiệm với xã hội, đặc biệt là đối với các nhóm yếu thế và những người trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương, phù hợp với Khuyến nghị số 193;

(i) đảm bảo rằng, tùy từng trường hợp cụ thể, các biện pháp xúc tiến NKTXH&ĐK sẽ thúc đẩy đổi mới xã hội, cải thiện năng suất làm việc, phát triển kỹ năng, tinh thần kinh doanh và hợp tác, đồng thời bảo tồn và phát huy truyền thống, văn hóa của các dân tộc bản địa và bộ lạc;

(j) thực hiện các biện pháp nhằm thúc đẩy quản trị tốt và chống tham nhũng, tạo điều kiện để đăng ký cũng như đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nhằm tạo điều kiện cho

việc phát triển và chuyển đổi sang nền kinh tế chính thức của các chủ thể thuộc NKTXH&ĐK và các doanh nghiệp bền vững;

(k) thiết lập cơ chế cho hợp tác liên bộ và điều phối các chính sách liên quan đến NKTXH&ĐK trong toàn bộ cơ cấu quốc gia;

(l) tăng cường thanh tra lao động, thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan thanh tra lao động, đối tác xã hội và đại diện NKTXH&ĐK nhằm ngăn chặn, phản đối và xử phạt các chủ thể giả mạo NKTXH&ĐK, các hành vi trái pháp luật và vi phạm quyền, qua đó bảo vệ người lao động và duy trì quyền tự chủ và độc lập của các chủ thể thuộc NKTXH&ĐK;

(m) lồng ghép NKTXH&ĐK vào giáo dục phổ thông ở tất cả các cấp, đầu tư vào giáo dục và đào tạo cho người lao động cũng như các chủ thể trong NKTXH&ĐK, bao gồm nâng cao hiểu biết về tài chính, nhằm cải thiện hiệu quả và khả năng phục hồi của họ; và

(n) cải thiện các số liệu về NKTXH&ĐK, chẳng hạn thông qua tài khoản vệ tinh và hợp tác giữa các viện thống kê quốc gia và các đại diện của tổ chức NKTXH&ĐK, nhằm cung cấp thông tin cho xây dựng và thực hiện chính sách.

10. Các đối tác xã hội nên tham gia đối thoại xã hội một cách hợp tác và chủ động, tham gia vào các vấn đề về lợi ích chung, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm, đặc biệt là những thực hành tốt, nhằm thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong NKTXH&ĐK.

11. Các chính phủ và các đối tác xã hội cần cam kết xúc tiến hệ thống bảo trợ xã hội phổ cập, đầy đủ, toàn diện và bền vững; tiếp cận với đào tạo và học tập trọn đời; đảm bảo môi trường làm việc an toàn và lành mạnh là một quyền cơ bản; và đảm bảo môi trường không có bạo lực và quấy rối.

12. Tùy từng trường hợp cụ thể, các tổ chức của người sử dụng lao động có thể cân nhắc trao tư cách thành viên cho các chủ thể thuộc NKTXH&ĐK có mong muốn được trở thành thành viên, đồng thời cung cấp cho họ các dịch vụ hỗ trợ đầy đủ. Các tổ chức của người sử dụng lao động cũng có thể tạo điều kiện để các chủ thể thuộc NKTXH&ĐK tiếp cận với mạng lưới kinh doanh và các đối tác có thể đóng góp cho sự phát triển của họ; nâng cao tiềm lực kinh doanh, năng lực kinh doanh và quản lý; nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh; đồng thời tạo điều kiện cho các chủ thể này tiếp cận thị trường quốc tế và quỹ tài trợ của các tổ chức.

13. Các tổ chức của người lao động có chung nguồn gốc lịch sử với các chủ thể NKTXH&ĐK trong công cuộc thúc đẩy dân chủ và công bằng xã hội trong nền kinh tế, cũng như thúc đẩy nhân quyền và quyền của ngời lao động. Các tổ chức này hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích của người lao động thuộc NKTXH&ĐK và sự tương tác này cần được củng cố, bao gồm bằng cách nâng cao nhận thức của người lao động trong NKTXH&ĐK để tham gia công đoàn; hỗ trợ tổ chức và thương lượng tập thể cho họ; phát triển quan hệ đối tác và liên minh để đạt được mục tiêu chung; đồng thời tăng khả năng nhận diện của người lao động thuộc NKTXH&ĐK. Họ cũng có thể cung cấp thông tin đầu vào và tư vấn, đặc biệt là cho các chủ thể thuộc NKTXH&ĐK trong giai đoạn hình thành, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ của NKTXH&ĐK cho các thành viên công đoàn, đồng thời đóng góp vào việc thành lập các chủ thể NKTXH&ĐK nếu có liên quan.

V. Vai trò của Văn phòng Lao động Quốc tế

14. Dựa trên nhiệm vụ của ILO như được nêu trong Hiến chương, Văn phòng Lao động Quốc tế (Văn phòng) cần xúc tiến việc xây dựng và phát triển các chủ thể NKTXH&ĐK vững mạnh và có khả năng chống chịu, có tính đến điều kiện thực tế và nhu cầu khác nhau của các Thành viên, bao gồm mức độ phát triển khác nhau của NKTXH&ĐK và các tiêu chuẩn lao động quốc tế có liên quan. Phụ lục đã bao gồm một danh sách không đầy đủ các công cụ của ILO và Liên hợp quốc liên quan đến việc làm thỏa đáng và nền kinh tế xã hội và đoàn kết.

15. Theo Tuyên bố Thế kỷ, ILO cần tập trung nỗ lực thúc đẩy môi trường thuận lợi cho các chủ thể NKTXH&ĐK và các doanh nghiệp bền vững, nhằm tạo công ăn việc làm thỏa đáng, hiệu quả và cải thiện mức sống cho tất cả mọi người.

16. Các hành động mà Văn phòng thực hiện để thúc đẩy NKTXH&ĐK vì một tương lai việc làm thỏa đáng lấy con người làm trung tâm, nên, cùng các đối tác liên quan, tập trung vào cung cấp tư vấn pháp lý và chính sách; vận động; nâng cao kiến thức; trao đổi thông tin và tuyên truyền những thực hành tốt; đào tạo và giáo dục; nâng cao năng lực; cùng với hợp tác phát triển. Cụ thể hơn, Văn phòng cần hướng tới:

(a) hỗ trợ các cán bộ của ILO trong việc theo đuổi hoạt động tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp bền vững và phát triển môi trường thuận lợi cho các chủ thể thuộc NKTXH&ĐK, nhằm giải quyết các rào cản pháp lý và thể chế, bao gồm thông qua việc xây dựng khung chính sách về: quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức, những thách thức về năng suất; tạo việc làm thỏa đáng cho những người trẻ tuổi và những nhóm dễ bị tổn thương; phát triển kỹ năng và tiếp cận giáo dục và đào tạo chất lượng; thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ; tự do hội họp và công nhận hiệu quả của quyền thương lượng tập thể; không phân biệt đối xử; xóa bỏ lao động trẻ em và lao động cưỡng bức; môi trường làm việc an toàn và lành mạnh; chuyển đổi sang môi trường bền vững và chuyển đổi kỹ thuật số công bằng;

(b) nâng cao hiểu biết về NKTXH&ĐK, bao gồm thông qua hoạt động chia sẻ các thực hành tốt, thực hiện và phổ biến nghiên cứu, đồng thời thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức cho các cán bộ, tổ chức học thuật, công chúng và các bên liên quan khác về những đóng góp của NKTXH&ĐK trong mục tiêu việc làm thỏa đáng;

(c) hỗ trợ các Thành viên tiếp tục phát triển khuôn khổ phương pháp luận để đo lường đóng góp kinh tế xã hội của NKTXH&ĐK, thu thập và tổng hợp dữ liệu có thể so sánh, kịp thời, đáng tin cậy và phù hợp về NKTXH&ĐK, đồng thời hướng đến việc xây dựng các hướng dẫn về thống kê liên quan đến NKTXH&ĐK cũng như xem xét tiềm năng thành lập một đài quan sát quốc tế về dữ liệu NKTXH&ĐK phối hợp với mạng lưới NKTXH&ĐK và các cơ quan đại diện, văn phòng thống kê quốc gia và các tổ chức quốc tế sẽ góp phần thúc đẩy mục tiêu việc làm thỏa đáng;

(d) lồng ghép nhiều hơn nữa NKTXH&ĐK vào các hoạt động của ILO ở cấp quốc gia và khu vực, bao gồm thông qua các Chương trình Quốc gia Việc làm Thỏa đáng, các dự án hợp tác phát triển và các hoạt động liên quan khác của ILO, tập trung nâng cao năng lực của các đối tác xã hội để tăng cường phát triển thể chế của các chủ thể NKTXH&ĐK;

(e) tăng cường và đẩy nhanh sự hỗ trợ của Văn phòng để phát triển các chiến lược quốc gia toàn diện và các chương trình mục tiêu, trong đó các chủ thể NKTXH&ĐK có thể trở thành công cụ trong các lĩnh vực cấp bách như việc làm thỏa đáng trong nền kinh tế chăm sóc và sự chuyển đổi từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức;

(f) thúc đẩy quan hệ đối tác giữa mạng lưới NKTXH&ĐK và hầu hết các tổ chức đại diện của người lao động và người sử dụng lao động để họ có thể hưởng lợi từ các dịch vụ hỗ trợ và lời khuyên có lợi cho sự phát triển của họ và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội;

(g) phối hợp với Trung tâm Đào tạo Quốc tế của ILO cung cấp hoạt động nâng cao năng lực để thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong NKTXH&ĐK nhằm hỗ trợ sự phát triển của các chủ thể, từ đó cải thiện mức năng suất, khả năng phục hồi, đóng góp và phúc lợi xã hội;

(h) xây dựng hướng dẫn và cung cấp khóa đào tạo cho các cơ quan thanh tra lao động về việc thực thi hiệu quả luật lao động hoặc các luật hiện hành khác liên quan đến nơi làm việc trong NKTXH&ĐK nhằm đảm bảo rằng các chủ thể của NKTXH&ĐK không được thành lập hay sử dụng để không tuân thủ luật lao động hoặc được sử dụng để thiết lập các mối quan hệ việc làm trá hình;

(i) lồng ghép tốt hơn NKTXH&ĐK vào các kết quả, đầu ra và các chỉ số liên quan của Chương Trình và Ngân sách của ILO, đồng thời xem xét các cách củng cố các nguồn lực được phân bổ cho công việc của Văn phòng về NKTXH&ĐK;

(j) kích hoạt lại cơ chế điều phối rộng rãi trong Văn phòng về việc thúc đẩy NKTXH&ĐK, đặc biệt là với Cục về các hoạt động của Người sử dụng lao động (ACT/EMP) và Cục về các hoạt động của Người lao động (ACTRAV), với sự hợp tác chặt chẽ với các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động;

(k) tăng cường vai trò lãnh đạo của mình đối với NKTXH&ĐK nhằm thúc đẩy việc làm thỏa đáng và phát triển bền vững thông qua hoạt động trong Lực lượng đặc nhiệm liên cơ quan của LHQ về NKTXH&ĐK, thúc đẩy sự nhất quán về chính sách trong hệ thống LHQ, các tổ chức tài chính quốc tế và các tổ chức đa phương khác, để lồng ghép các tiêu chuẩn lao động quốc tế vào các chính sách kinh tế vĩ mô và chính sách công nghiệp có lợi cho việc làm thông qua hành động toàn cầu về NKTXH&ĐK; và

(l) duy trì, tăng cường và mở rộng mối quan hệ đối tác liên quan đến NKTXH&ĐK, để phối hợp tốt hơn các nỗ lực liên quan đến các công cụ và hướng dẫn chính sách giúp tăng cường và bổ sung cho các khuôn khổ và thỏa thuận hiện có.

Phụ lục

Danh sách một số công cụ của Tổ chức Lao động Quốc tế và Liên hợp quốc liên quan đến việc làm thỏa đáng và nền kinh tế xã hội và đoàn kết

Các công ước cơ bản

- Công ước về Quyền Tự do Hiệp hội và về việc Bảo vệ quyền được tổ chức, 1948 (Số 87)
- Công ước về Quyền Tổ chức và Thương lượng Tập thể, 1949 (Số 98)
- Công ước về Lao động Cưỡng bức hoặc Bắt buộc, 1930 (Số 29) và Nghị định thư 2014
- Công ước về Xóa bỏ Lao động Cưỡng bức, 1957 (Số 105)
- Công ước về Trả công bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ, 1951 (Số 100)
- Công ước về Phân biệt đối xử (trong việc làm và nghề nghiệp), 1958 (Số 111)
- Công ước về độ tuổi tối thiểu được đi làm việc, 1973 (Số 138)
- Công ước về các Hình thức Lao động Trẻ em Tồi tệ nhất, 1999 (Số 182)
- Công ước về An toàn lao động, Vệ sinh lao động và Môi trường lao động, 1981 (Số 155)
- Công ước về Khung chính sách Thúc đẩy An toàn Vệ sinh Lao động, 2006 (Số 187)

Các công ước về quản trị

- Công ước về Thanh tra Lao động, 1947 (Số 81)
- Công ước về Chính sách Việc làm, 1964 (Số 122)
- Công ước về Thanh tra lao động (Nông nghiệp), 1969 (Số 129)
- Công ước về Tham vấn Ba bên (Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế), 1976 (Số 144)

Các công ước về kỹ thuật khác

- Công ước về Chính sách xã hội (Các lãnh thổ không thuộc đô thị), 1947 (Số 82)
- Công ước về Tổ chức Dịch vụ Việc làm, 1948 (Số 88)
- Công ước về các Điều khoản Lao động (Hợp đồng Công cộng), 1949 (Số 94)
- Công ước về An toàn Xã hội (Tiêu chuẩn tối thiểu), 1952 (Số 102)
- Công ước về Chính sách Xã hội (Mục đích và Tiêu chuẩn cơ bản), 1962 (Số 117)
- Công ước về Phát triển nhân sự, 1975 (Số 142)
- Công ước về Người Lao động và các Trách nhiệm Gia đình, 1981 (Số 156)
- Công ước về Phục hồi chức năng và Việc làm (đối với người khuyết tật), 1983 (Số 159)

- Công ước về Thúc đẩy việc làm và bảo vệ khỏi thất nghiệp, 1988 (Số 168)
- Công ước về Người bản địa và bộ lạc, 1989 (Số 169)
- Công ước về Công việc tại nhà, 1996 (Số 177)
- Nghị định thư năm 2002 về Công ước về An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, 1981
- Công ước về Các cơ quan dịch vụ việc làm tư, 1997 (Số 181)
- Công ước về Lao động giúp việc gia đình, 2011 (Số 189)
- Công ước về Chấm dứt Bạo lực và Quấy rối tại nơi làm việc, 2019 (Số 190)

Các khuyến nghị

- Khuyến nghị về An ninh Thu nhập, 1944 (Số 67)
- Khuyến nghị về việc Tái thích ứng Nghề nghiệp (cho người khuyết tật), 1955 (Số 99)
- Khuyến nghị về Bảo vệ người lao động nhập cư (Các nước kém phát triển), 1955 (Số 100)
- Khuyến nghị về các Dân tộc Bản địa và Bộ lạc, 1957 (Số 104)
- Khuyến nghị về Nhà ở của Người lao động, 1961 (Số 115)
- Khuyến nghị về Chính sách Việc Làm, 1964 (Số 122)
- Khuyến nghị về Người làm thuê và Người lĩnh canh, 1968 (Số 132)
- Khuyến nghị về các Tổ chức Người lao động tại Nông thôn, 1975 (Số 149)
- Khuyến nghị về Phục hồi Chức năng Lao động và Việc làm (Người khuyết tật), 1983 (Số 168)
- Khuyến nghị về Chính sách Việc làm (Các điều khoản bổ sung), 1984 (số 169)
- Khuyến nghị về Công việc tại nhà, 1996 (Số 184)
- Khuyến nghị về các điều kiện chung để khuyến khích tạo việc làm trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, 1998 (Số 189)
- Khuyến nghị về Xúc tiến Hợp tác xã , 2002 (Số 193)
- Khuyến nghị về Phát triển Nguồn Nhân lực, 2004 (Số 195)
- Khuyến nghị về Mối quan hệ Việc làm, 2006 (Số 198)
- Khuyến nghị về Các sàn An sinh Xã hội, 2012 (Số 202)
- Khuyến nghị về Chuyển đổi từ Nền kinh tế Phi chính thức sang Nền kinh tế Chính thức, 2015 (Số 204)
- Khuyến nghị về Tuyển dụng và Việc làm Thỏa đáng vì Hòa bình và Khả năng Phục hồi, 2017 (Số 205)

Nghị quyết

▶ILC.110/Nghị quyết II

- Nghị quyết liên quan đến thúc đẩy doanh nghiệp bền vững – Hội nghị Lao động Quốc tế, tháng 6/2007

- Nghị quyết liên quan đến thúc đẩy việc làm ở nông thôn để xóa đói giảm nghèo – Hội nghị Lao động Quốc tế, tháng 6/2008

Các tuyên bố

- Tuyên bố của ILO về các Nguyên tắc cơ bản và các Quyền tại Nơi làm việc (1998), sửa đổi năm 2022

- Tuyên bố của ILO về Công bằng Xã hội vì một Quá trình Toàn cầu hóa Công bằng (2008), sửa đổi năm 2022

- Tuyên bố Thế kỷ về Tương lai Việc làm của ILO, 2019

Các công cụ của Liên Hợp Quốc

- Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, 1948

- Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa, 1966

- Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị, 1966

- Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, 1979

- Công ước về Bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di trú và các thành viên gia đình họ, 1990

- Công ước Quốc tế về Quyền của Người Khuyết tật, 2006

- Tuyên ngôn của Liên hợp quốc về quyền của các dân tộc bản địa, 2007